

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2024/HS-ST
Ngày: 18-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Quân;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 138/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Minh D, sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Trần Thị N; có vợ là Phan Kim P và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Tại Bản án số 76/2004/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2004 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cát (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương, bị cáo bị xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo đã chấp hành xong ngày 13-6-2006; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Trần Văn B, sinh năm 1985 tại Thành phố Hà Nội; nơi thường trú: ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Quang Đ và bà Vũ Thị M; có vợ là Trần Thị Tâm O và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984 tại Quảng Bình; nơi thường trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị H1; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Lê Quang V, sinh năm 1979 tại Bình Dương; nơi thường trú: ấp Ông T1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Quang T2 (đã mất) và bà Nguyễn Thị N1; có vợ là Vũ Thị Ngọc B1 và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Nguyễn Đăng T3, sinh năm 1972 tại Hà Tĩnh; nơi thường trú: ấp Ông T1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng L và bà Nguyễn Thị T4 (đã chết); có vợ là Trần Thị H2 và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1980, nơi thường trú: xã T, huyện C, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Văn X1, sinh năm 1949, nơi thường trú: xã T, huyện C, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

+ Ông Trần Quyết T5, sinh năm 1967, nơi thường trú: ấp Ông T1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1964, nơi thường trú: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1970, nơi thường trú: ấp Ông T1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Công ty Cổ phần C1; địa chỉ: Đường D, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần C1: Ông Trần Quyết T5, sinh năm 1967, nơi thường trú: ấp Ông T1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06-01-2020, ông Nguyễn Văn X dựng một căn nhà tự chế bằng tre và cột bằng cây tràm (chưa hoàn thành xong) trên thửa đất có diện tích khoảng 4.000m² thuộc ấp S, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương trong khuôn viên khu đất hiện đang do Công ty Cổ phần C1 quản lý và sử dụng để trồng cây cao su. Để phân ranh giới, ông X cắm, dựng 51 cọc bê tông cốt thép (kích thước cao 1m40, rộng (8x9) cm bên trong có lõi thép) xung quanh thửa đất này. Trong lúc ông X đang thực hiện thì bị cáo Nguyễn Đăng T3 (là nhân viên bảo vệ của Công ty Cổ phần C1) phát hiện. Sau đó, bị cáo T3 cùng với Lê Minh K1, bị cáo Trần Minh D, bị cáo Nguyễn Thanh H, bị cáo Lê Quang V và bị cáo Trần Văn B (đều là nhân viên bảo vệ của Công ty Cổ phần C1) phối hợp với Công an xã C đến làm việc. Lúc này, ông X cung cấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 78/GCN-SB do Ủy ban nhân dân tỉnh S (nay là tỉnh Bình Dương) cấp ngày 20-6-1990 và nói là đất của ông Nguyễn Văn X1 (cha ruột của ông X, ông X1 ủy quyền cho ông X toàn quyền sử dụng thửa đất theo Giấy chứng nhận nêu trên), ông X nói đang rào lại đất của cha để lại. Thấy vậy, ông K1

nói với ông X liên hệ với Công ty Cổ phần C1 để làm việc rõ về nguồn gốc thửa đất đồng thời đề nghị ông X tạm ngưng việc dựng nhà cây và đóng cọc bê tông trên thửa đất, ông X đồng ý và tạm dừng.

Đến sáng ngày 07-01-2020, Lê Minh K1 phát hiện ông Nguyễn Văn X tiếp tục thực hiện dựng nhà cây và đóng cọc bê tông xung quanh thửa đất nên đã báo cho ông Trần Quyết T5 và ông Nguyễn Tấn K. Ông T5 yêu cầu ông K1 cùng các nhân viên bảo vệ đến ngăn chặn ông X không tiếp tục thực hiện việc dựng nhà và đóng cọc trên đất công ty. Sau đó, ông K1 cùng bị cáo T3, bị cáo D, bị cáo H, bị cáo V và bị cáo B đến thửa đất để làm việc, đồng thời ông K1 điện thoại cho Nguyễn Tuấn A (là thợ cưa cây) đến thửa đất. Khi những người này có mặt tại hiện trường, ông K1 yêu cầu ông Tuấn A cưa ngã 04 cây cột tràm mà ông X dùng để dựng nhà cây. Đồng thời, ông K1 ra lệnh và cùng với bị cáo T3, bị cáo D, bị cáo H, bị cáo V, bị cáo Bình N2 và đập làm gãy đổ hư hỏng 51 cọc bê tông xung quanh thửa đất (trong đó 08 cọc còn nguyên vẹn, 43 cọc bị nứt gãy). Cùng ngày, ông X làm đơn trình báo Công an xã C. Sau khi tiếp nhận, Công an xã C củng cố hồ sơ và chuyển Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện B thụ lý theo thẩm quyền.

Qua điều tra xác định ông Lê Minh K1 đã chết vào ngày 08-11-2022 (theo giấy trích lục khai tử số 26/TLKT do UBND xã C cấp ngày 15/11/2022). Do đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện B không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông K1.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nêu trên, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Kết luận định giá tài sản số 136/KL-HĐĐG ngày 12-02-2020, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Số tài sản gồm 43 cột bê tông kích thước cao 1m40, rộng (8cmx9cm) bên trong có lõi kim loại và 04 cây cột bằng tràm kích thước cao 2m85, đường kính 20cm bị cưa gãy có giá trị là 7.250.000 đồng (trong đó 43 cột bê tông có giá trị 6.450.000 đồng; 04 cột tràm có giá trị 800.000 đồng).

Ngày 02-4-2024, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B có văn bản trả lời số: 1259/VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN với nội dung: Căn cứ hồ sơ lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Bình Dương và kết quả rà soát hồ sơ tại Trung tâm C2, Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh. Văn phòng đăng ký đất đai chưa phát hiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 78/GCN-SB do Ủy ban nhân dân tỉnh S (nay là tỉnh Bình Dương) cấp ngày 20-6-1990 cho ông Nguyễn Văn X1.

Ngày 23-8-2024, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B trả lời thửa đất trên hiện tại thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty Cổ phần C1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 781622 do UBND tỉnh B cấp ngày 23-3-2009.

Ngày 08-8-2024, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện B có Công văn số 376/CV-ĐTTH về việc đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương hỗ trợ xác minh cung cấp hồ sơ liên quan đến việc ông X khởi kiện Công ty C1 tại Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 78/GCN-SB do Ủy ban nhân dân tỉnh S (nay là tỉnh Bình Dương) cấp ngày 20-6-1990 mang tên ông Nguyễn Văn X1. Cùng ngày, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã gửi thông báo số 84/TB-TLVA ngày 14-10-2022 về việc đang thụ lý vụ án đối với vụ việc trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Cáo trạng số 99/CT-VKSBB ngày 07 tháng 10 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Đăng T3, bị cáo Trần Minh D, bị cáo Nguyễn Thanh H, bị cáo Lê Quang V và bị cáo Trần Văn B về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 178, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Minh D mức hình phạt tù 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng, thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 178, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Đăng T3 và Lê Quang V, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Đăng T3 và Lê Quang V mức hình phạt từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 178, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn B mức hình phạt từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Đối với ông Trần Quyết T5 và ông Nguyễn Tấn K sau khi nghe Lê Minh K1 báo cáo sự việc ông X dựng nhà cây và đóng cọc bê tông trên thửa đất của Công ty Cổ phần C1 nên chỉ đạo cho ông K1 ngăn chặn ông X không tiếp tục thực hiện việc dựng cây và đóng cọc bê tông trên thửa đất của công ty, ông T5 và ông K không chỉ đạo ông K1 cùng bảo vệ công ty đập và nhổ cọc bê tông của ông X. Nhóm bảo vệ gồm T3, H, V, B, D chỉ biết ông K1 có điện thoại báo cáo và xin ý kiến ban giám đốc công ty sau đó chỉ đạo nhóm bị can thực hiện hành vi đập, nhổ cọc bê tông. Nhóm các bị cáo trên không biết Ban giám đốc công ty C1 chỉ đạo những gì cho ông K1. Do ông K1 đã chết, không có chứng cứ nào khác chứng minh việc ông T5 và ông K chỉ đạo nhóm bị can đập, nhổ, cưa cây làm hư hại tài sản của ông X. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với ông T5 và ông K.

Đối với hành vi cưa 04 cột tràm (thiệt hại trị giá 800.000 đồng) của ông Nguyễn Tuấn A là làm theo yêu cầu của Lê Minh K1. Ông Tuấn A không biết việc ông K1 gọi đến để cưa các cột tràm là tài sản của ông X, do đó ông Tuấn A không vi phạm hành chính.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn X yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đăng

T3, Trần Minh D, Nguyễn Thanh H, Lê Quang V và Trần Văn B bồi thường số tiền 7.250.000 đồng là tiền thiệt hại hư hỏng tài sản. Các bị cáo đã bồi thường số tiền trên cho ông X. Ông X không có yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố, trình bày luận tội của Viện Kiểm sát.

Các bị cáo Nguyễn Đăng T3, Trần Minh D, Nguyễn Thanh H, Lê Quang V và Trần Văn B nói lời sau cùng: các bị cáo đã biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở xác định: Vào sáng ngày 07-01-2020 tại xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Đăng T3, Lê Quang V, Nguyễn Thanh H, Trần Văn B, Trần Minh D có hành vi dùng tay, chân đập làm gãy đổ hư hỏng 43 cọc bê tông của Nguyễn Văn X gây thiệt hại các tài sản trên trị giá 6.450.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố các bị cáo phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết việc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hậu quả là các bị cáo đã gây thiệt hại về tài sản cho bị hại trị giá 6.450.000 đồng. Các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội khi không có mâu thuẫn gì với bị hại. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xử các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T3, V, B và H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã cùng bồi thường thiệt hại cho bị hại đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Lê Quang V được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B vì đã có thành tích xuất sắc tham gia hiến máu tình nguyện trên địa bàn tỉnh, bị cáo Nguyễn Thanh H và bị cáo Nguyễn Đăng T3 đã có thành tích tốt trong thời gian công tác tại Công ty Cổ phần C1 (được Liên đoàn lao động huyện B, Liên đoàn lao động tỉnh B và L1 khen thưởng) đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Trần Minh D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã cùng các bị cáo khác bồi thường thiệt hại cho bị hại và đã có thành tích tốt công tác tại địa phương (Ủy ban nhân dân xã L tặng Giấy khen) đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Ngày 30 tháng 12 năm 2004, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 76/2004/HSST, bị cáo đã chấp hành xong ngày 13-6-2006, bị cáo đã được xóa án tích.

[7] Xét bị cáo D có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo là đã đủ căn cứ, giáo dục bị cáo.

[8] Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Đăng T3, Lê Quang V, Nguyễn Thanh H và Trần Văn B.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng đã ra Quyết định số 15/2024/HSST-QĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung để đối chất và làm rõ vai trò trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã ban hành Văn bản số 72/CV-VKS ngày 27-11-2024 về việc giữ nguyên quan điểm truy tố tại Bản cáo trạng số 99 ngày 07-10-2024. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng để giải quyết vụ án trên theo quy định.

[11] Đối với hành vi của 04 cột tràm (thiệt hại trị giá 800.000 đồng) của ông Nguyễn Tuấn A là làm theo yêu cầu của Lê Minh K1. Ông Tuấn A không biết việc

ông K1 gọi đến để cưa các cột tràm là tài sản của ông X, do đó hành vi của ông Tuấn A không cấu thành tội phạm.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 178, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đối với bị cáo Trần Minh D.

Khoản 1 Điều 178, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Đăng T3, Lê Quang V và Nguyễn Thanh H.

Khoản 1 Điều 178, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn B.

Điều 135 và khoản 2 Điều 136, các khoản 1, 2 Điều 260, khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Minh D, Nguyễn Đăng T3, Lê Quang V, Nguyễn Thanh H và Trần Văn B phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Minh D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Minh D cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T3 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Quang V 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

2. Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Minh D, Nguyễn Đăng T3, Lê Quang V, Nguyễn Thanh H và Trần Văn B mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công TTĐT TANDTC (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai